TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/ 2022/ HNGĐ - ST
Ngày: 13/1/2022
V/v " Không công nhận
quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyến
Các Hội thẩm nhân dân:
[1] bà Lê Thị Thận;
[2] ông Phạm Thành Đô;
- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thế Vinh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước: Bà Đàm Thị Thủy – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 223/2021/ TLST - HNGĐ ngày 18/05/2021 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐST - HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: anh Nguyễn H T; sinh năm 1966 (vắng mặt)
Địa chỉ : Khu Đức Lập, TT Đ P, huyện B Đ , tỉnh Bình Phước.
Bị đơn: chị Nguyễn Thị H T; sinh năm 1966 (vắng mặt)
Địa chỉ : Khu Đức Lập,TT Đ P, huyện B Đ , tỉnh Bình Phước .
Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
1/ Ngân hàng NN NT CNBĐ.
Người đại diện: Trương V Đ. (vắng mặt)
Địa chỉ : Khu Hòa Đồng, TT Đ P, huyện B Đ , tỉnh Bình Phước
2/ chị Nguyễn Thị L T; sinh năm 1974(vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ C, huyện M Đ, tỉnh Quảng Ngãi

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 04 năm 2021 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Nguyễn H T trình bày: Anh và cô Nguyễn Thị H T tự nguyện chung sống từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2015thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống không hòa hợp nhau. Hiện nay tình cảm không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã

trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với cô Nguyễn Thị H T.

Về con chung: Đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung : Yêu cầu chia tài sản chung diện tích đất 278m^2, căn nhà xây cấp 4 trên đất có diện tích 163m^2 và diện tích đất 371m^2 cùng tọa lạc tại Khu Đức Lập,TT Đ P, huyện B Đ , tỉnh Bình Phước.

Nợ chung: Nợ Ngân hàng NN NT CNBĐ số tiền 400.000.000đ, nợ cô Nguyễn Thị L T 30.000.000đ.

Ngày 05/1/2022 nguyên đơn có đơn xin rút phần khởi kiện tranh chấp về tài sản và nợ. Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H T trình bày: Về quan hệ tình cảm chị đồng ý lời trình bày của anh Nguyễn H T về thời gian chung sống, về việc không đăng ký kết hôn, về mâu thuẫn gia đình là đúng. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị đồng ý không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Tín.

Về con chung: Đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung: nợ Ngân hàng NN NT CNBĐ số tiền 400.000.000đ; Nợ cô Nguyễn Thị L T 30.000.000đ tôi không biết, không đồng ý trả.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng NN NT CNBĐ, người đại diện trình bày nội dung, Ngân hàng có cho anh Tín, chị Tâm vay tiền là đúng, nhưng chưa đến hạn trả nợ, vì vậy ngân hàng chưa yêu cầuTòa án giải quyết, nếu cần thiết thì ngân hàng khởi kiện trong vụ án khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L T trình bày nội dung Tôi có cho anh anh Tín, chị Tâm vay tiền nhưng không yêu cầuTòa án giải quyết, nếu cần thiết thì chị khởi kiện trong vụ án khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa, phát biểu quan điểm khẳng định: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình chuẩn bị xét xử từ khi thụ lý đến nay là đúng. Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn H T yêu cầu không công nhận vợ chồng với chị Nguyễn Thị H T. Hiện nay bị đơn đang cư trú tại TT Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 11 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn H T và chị Nguyễn Thị H T tự nguyện chung sống từ năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn, quá trình sống chung đến nay thì vợ chồng có mâu thuẫn xảy ra, không thể sống chung với nhau được nữa, các bên thừa

nhận là đúng, nay anh Nguyễn H T khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng với chị Tâm, Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật HNGĐ, căn cứ điểm b mục 03 NQ 35/ QH của Quốc Hội, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn H T và chị Nguyễn Thị H T.

[3]. Về con chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Nguyên đơn xin rút phần khởi kiện tranh chấp về tài sản nên đình chỉ giải quyết tranh chấp tài sản, đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

Nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này nên không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn H T nộp theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật HNGĐ , điểm b mục 3 Nghị Quyết số 35/ QH của Quốc Hội.
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Toà án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn H T và chị Nguyễn Thị H T.

[2].Về con chung, đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3].Về tài sản chung : Đình chỉ giải quyết tranh chấp tài sản, đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật. Về nợ chung,các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Anh Nguyễn H T phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, tuy nhiên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.900.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 016264 ngày 17 tháng 05 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Vì vậy số tiền còn lại 14.600.000đ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho anh Nguyễn H T.

Nguyên đơn, Bị đơn, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- VKS huyện Bù Đăng;
- Chi cục THA h. Bù Đăng;
- Các đ/s;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Toà

Trần Văn Xuyến